

# THÔNG BÁO TỪ PHÒNG BẢO HIỂM SỨC KHOẺ QUỐC DÂN

## 1 THỜI GIAN CẤP PHÁT THẺ BẢO HIỂM

Nơi đăng ký	Tòa thị chính (Phòng bảo hiểm sức khỏe quốc dân)	Chi nhánh - Trung tâm hành chính
Ngày chuyển phát (Mục tiêu)	Từ 3 đến 5 ngày sau ngày đăng ký	Một tuần kể từ sau ngày đăng ký

Chúng tôi chuyển phát theo hình thức thư bảo đảm.  
Trường hợp chuyển nơi ở, bạn phải làm thủ tục để thay đổi địa chỉ tại bưu điện.

## 2 TIỀN THUẾ BẢO HIỂM ĐƯỢC TÍNH TỪ THÁNG PHÁT SINH TƯ CÁCH

Những người tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân sẽ tính thuế bảo hiểm theo từng tháng. Cả những trẻ mới sơ sinh cũng được tính thuế bảo hiểm, không có trường hợp miễn thuế. Thuế bảo hiểm không phải tính từ tháng khai báo để tham gia bảo hiểm, mà được tính từ tháng phát sinh tư cách bảo hiểm sức khỏe quốc dân.

## 3 THỜI ĐIỂM GỬI THƯ THÔNG BÁO NỘP THUẾ (ĐƠN YÊN CẦU THANH TOÁN THUẾ BẢO HIỂM)

Tháng đăng ký	Tháng 4 - tháng 6	Tháng 7 - tháng 3 năm sau
Thời điểm chuyển phát	Đầu tháng 7	Trong tháng hoặc cuối tháng sau

Người có nghĩa vụ đóng thuế bảo hiểm là chủ hộ gia đình, vì vậy thư thông báo nộp thuế sẽ được gửi cho chủ hộ. (Cả trường hợp chủ hộ không tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân, chúng tôi cũng sẽ gửi cho chủ hộ.)

## 4 PHƯƠNG PHÁP NỘP THUẾ

### CHUYỂN KHOẢN

Tự động trừ thẳng từ tài khoản ngân hàng, ngân hàng tín dụng hay ngân hàng bưu điện.

### THANH TOÁN QUA ĐƠN NỘP THUẾ

Thanh toán bằng tiền mặt tại cửa hàng tiện lợi, ngân hàng, bưu điện hay tòa thị

### KHẤU TRỪ TỪ TIỀN LƯƠNG HƯU

Chỉ áp dụng cho đối tượng. Được khấu trừ từ tiền lương hưu mà bạn sẽ nhận được.

Thanh toán tiền thuế bảo hiểm được chia ra làm 8 lần nộp từ tháng 7 đến tháng 2 năm sau.  
Tiền thuế mỗi lần = khác với tiền thuế bảo hiểm của một tháng

Từng kỳ	Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5	Kỳ 6	Kỳ 7	Kỳ 8
Hạn nộp thuế	Cuối tháng 7	Cuối tháng 8	Cuối tháng 9	Cuối tháng 10	Cuối tháng 11	Cuối tháng 12	Cuối tháng 1	Cuối tháng 2

Trường hợp ngày nghỉ lễ vào cuối tháng, hạn nộp thuế sẽ là ngày làm việc tiếp theo của cơ quan tài chính. Hãy nộp thuế bảo hiểm trong thời hạn quy định.  
Xin lưu ý nếu bạn quá hạn nộp thì chúng tôi sẽ tính thêm tiền phạt nộp chậm.

1 保険証の送付時期  
・市役所(国民健康保険課)  
申請日から3~5日後  
・各支所・行政センター  
申請日から1週間後  
簡易書留で送付

2 国民健康保険税は資格を得た月からかかります。保険税は月ごとに計算。無料のかたはいません。手続きをした日からではなく、資格を得た月までさかのぼって保険税を計算します。

3 納税通知書の送付時期  
4月~6月 7月上旬  
7月~3月 当月又は翌月下旬  
納税義務者は世帯主  
世帯主あてに納税通知書を送付

4 納付方法  
・口座振替  
銀行等の口座から引落  
・納付書払い  
コンビニ等で現金払い  
・年金天引き  
対象者のみ  
受取る年金から天引き  
支払いは7月~翌年2月までの8回の分割払い  
月末が休日の場合は、金融機関の翌営業日が納期限です。  
保険税は納期限内に支払いをお願いします。納期限を過ぎると延滞金も含めて支払いをしていただきます。

## 5 CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM TOÀN THỂ QUỐC DÂN

Chế độ bảo hiểm y tế của Nhật Bản là chế độ mà tất cả mọi người sinh sống ở Nhật đều phải tham gia một trong những bảo hiểm y tế công cộng để hỗ trợ phí y tế lẫn nhau. Dù là người nước ngoài, chỉ cần có tư cách lưu trú từ 3 tháng trở lên thì bạn được đăng ký thường trú, không tham gia bảo hiểm y tế của công ty v.v. và những người thì phải tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân tại địa phương mà bạn sinh sống.

Trường hợp trên, không liên quan đến việc bản thân có muốn hay không, thì tư cách của bảo hiểm sức khỏe quốc dân cũng phát sinh một cách miễn cưỡng, không phụ thuộc vào việc có hay không sử dụng thẻ bảo hiểm, thì bạn vẫn phải nộp thuế bảo hiểm.

Xin hãy nhanh chóng đăng ký tham gia.

※Ngoài ra còn bảo hiểm y tế cho người cao tuổi thời kỳ sau hay chế độ hưởng bảo trợ sinh hoạt.

## 6 CÁCH TÍNH THUẾ BẢO HIỂM

Thuế bảo hiểm được tính theo hai cách, là cách tính "sô tiền tỷ lệ thu nhập" dựa trên thu nhập năm trước của người tham gia bảo hiểm và cách tính "sô tiền tỷ lệ bình quân" cho một người tham gia. Năm thứ nhất sau khi đến Nhật, vì bạn không có thu nhập năm trước nên chỉ được tính thuế bằng cách tính "tỷ lệ bình quân", từ năm thứ 2 trở đi cách tính sẽ thay đổi tùy theo thu nhập.

		Phần phí y tế được hỗ trợ	Số tiền viện trợ cho người cao tuổi thời kỳ sau	Số tiền cung cấp cho điều dưỡng
Số tiền tỷ lệ thu nhập	Là số tiền đã khấu trừ mức khấu trừ căn bản※2 từ tổng số thu nhập của năm trước※1	7,45%	2,5%	1,3%
Số tiền tỷ lệ bình quân	Với mỗi một người tham gia bảo hiểm hay người tương thích	28.000yên	9.000yên	13.000yên
Hạn mức cho phép		63man yên	19 man yên	17 man yên

※1 Tổng số thu nhập, là bao gồm cả thuế thu nhập riêng.

※2 Khấu trừ căn bản là 43 man yên.

Những người từ 40 đến dưới 65 tuổi cũng phải nộp phần tiền trợ cấp y tế, tiền hỗ trợ người cao tuổi ở thời kỳ sau và tiền đóng góp điều dưỡng chăm sóc.

Trong trường hợp sô tiền tỷ lệ bình quân sẽ được giảm tùy theo thu nhập năm trước.

Xin hãy khai báo thu nhập tại cơ quan thuế hoặc phòng thuế cư dân thành phố của toà thị chính.

## 7 TRƯỜNG HỢP QUÁ HẠN KHÔNG ĐÓNG THUẾ BẢO HIỂM

### ① Phải đóng nộp phạt do việc chậm trễ đóng thuế bảo hiểm

Để giữ tính công bằng với những người đóng thuế đúng thời hạn, theo quy định của luật thuế địa phương, tiền phạt sẽ phát sinh và được tính theo số ngày từ sau ngày hết hạn nộp thuế đến ngày đóng thuế.

### ② Tịch thu tài sản

Tiền tiết kiệm, tiền lương hay bất động sản v.v. của bạn sẽ bị tiến hành tịch thu, và quy thành số tiền thuế bảo hiểm chưa đóng.

### ③ Phát hành giấy chứng nhận tư cách

Nếu bạn tiếp tục không đóng thuế bảo hiểm, thì có khả năng bạn phải trả lại thẻ bảo hiểm, thay vào đó chúng tôi sẽ cấp giấy chứng nhận tư cách.

Trong thời gian cấp giấy chứng nhận tư cách, tạm thời bạn có thể chi trả toàn bộ phí y tế.

※Trường hợp không đóng thuế bảo hiểm, cũng có thể ảnh hưởng đến việc gia hạn visa.

### 5 国民皆保険制度

日本の医療保険制度は日本に居住しているすべてのかたがいずれかの公的医療保険に加入し、お互いの医療費を支えあっています。

外国人であっても、3か月を超える在留資格があることで住民基本台帳に登録され、かつ会社の健康保険など※に加入していないかたは、お住まいの市町村の国民健康保険に加入する必要があります。

上記の場合、本人の意思にかかわらず、国民健康保険の資格が強制的に発生し、保険証の使用の有無を問わず保険税をお支払いいただくこととなりますので、速やかに加入の届出をしてください。

※他に後期高齢者医療保険や生活保護受給

### 6 保険税の決め方

保険税は加入者の前年の所得によって計算する「所得割額」と加入者1人あたりの「均等割額」で計算されます。入国1年目は前年に日本での収入がないため「均等割」のみ課税され、2年目以降は収入に応じて変動します。

40歳以上65歳未満のかたは、医療給付費分、後期高齢者支援金分に加え介護納付金も納めていただきます。前年の所得に応じて均等割額が軽減される場合がありますので、税務署又は市役所市民税課で所得の申告をしてください。

### 7 保険税を滞納すると

①延滞金がかかります  
納期内に納税したかたとの公平を期すため、地方税法の規定に基づき、納期限の翌日から納付日までの日数に応じて延滞金が発生します。

②財産の差押え  
預貯金・給料・不動産等の差し押さえを行い、未納分の保険税に充てます。

③資格証明書の発行  
保険税の滞納を続けると、保険証を返還し、代わりに資格証明書が交付されることがあります。資格証明書が交付されている間は、医療費が一旦全額自己負担となることがあります。

※保険税に滞納がある場合、ビザの更新に影響が出る可能性があります。

## 8 CÁC TRƯỜNG HỢP CẦN KHAI BÁO

	Các trường hợp	Các giấy tờ cần thiết
Khi tham gia bảo hiểm	Khi chuyển từ các thành phố, quận, thị xã, làng khác đến	Trang số 2 của "Giấy thông báo chuyển nơi ở" đã nộp cho Phòng thị dân, <b>thẻ lưu trú</b>
	Khi ngừng tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc	Giấy chứng nhận đã ngừng tham gia bảo hiểm y tế tại nơi làm việc, <b>thẻ lưu trú</b>
	Khi không còn là đối tượng được hưởng chung với người tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc	Giấy chứng nhận mất tư cách hưởng theo người đi làm, <b>thẻ lưu trú</b>
	Khi có con nhỏ	Thẻ bảo hiểm của bố hoặc mẹ
Khi ngừng tham gia bảo hiểm	Khi rời đến các thành phố, quận, thị xã, làng khác	Trang số 2 của "Giấy thông báo chuyển nơi ở" đã nộp cho Phòng thị dân
	Khi tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc	Thẻ bảo hiểm mới (của tất cả những người tham gia), thẻ bảo hiểm sức khỏe quốc dân
	Khi là người được hưởng bảo hiểm chung với người mua bảo hiểm tại nơi làm việc	Thẻ bảo hiểm mới, thẻ bảo hiểm sức khỏe quốc dân
	Khi người tham gia bảo hiểm quốc dân chết đi	Thẻ bảo hiểm sức khỏe quốc dân
Các trường hợp khác	Khi gia hạn thời gian lưu trú (chỉ là những người có thời gian dưới 1 năm)	<b>Thẻ lưu trú, hộ chiếu (giấy chỉ định)</b>
	Khi đổi địa chỉ mới	Thẻ bảo hiểm, <b>thẻ lưu trú</b>
	Khi tách ra khỏi thành viên gia đình, hay khi xấp nhập thành viên gia đình	Thẻ bảo hiểm, <b>thẻ lưu trú</b>
	Khi thay đổi chủ hộ hay tên chủ hộ	Thẻ bảo hiểm, <b>thẻ lưu trú</b>
	Khi làm mất thẻ bảo hiểm	<b>Thẻ lưu trú</b>

※Những người có tư cách lưu trú "hoạt động đặc định" cần phải có hộ chiếu (giấy chỉ định), nên nhất định phải mang đến.

※Hãy mang theo thẻ mã số cá nhân hoặc thẻ thông báo mã số cá nhân và giấy chứng nhận thông tin cá nhân (thẻ lưu trú).

## 9 CƠ CHẾ BẢO HIỂM SỨC KHOẺ QUỐC DÂN

### A Thời gian cấp phát thẻ bảo hiểm

Đối với những người có hạn dùng thẻ bảo hiểm đến ngày 31 tháng 7, chúng tôi cấp phát thẻ bảo hiểm mới trước cuối tháng 7 hàng năm.

### B Tỷ lệ phân chi phí cần chi trả của thẻ bảo hiểm

- |   |        |
|---|--------|
| ① Trước khi bắt đầu giáo dục bắt buộc   | 2 phần |
| ② Từ sau khi kết thúc giáo dục bắt buộc đến dưới 75 tuổi  | 3 phần |
| ③ Từ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi   | 2 phần |
| Không liên quan đến ngày sinh tháng năm mà những người có thu nhập tương đương với trước khi nghỉ hưu | 3 phần |

## 10 KIỂM TRA SỨC KHOẺ ĐẶC ĐỊNH

### A. Kiểm tra sức khỏe đặc định

[Đối tượng]

Trong số những người tham gia bảo hiểm quốc dân

- Những người từ 40 đến 74 tuổi
- Những người chuẩn bị đến 75 tuổi mà có tham gia kiểm tra sức khỏe định kỳ trong khi 74 tuổi.

### 8 届け出が必要など

・他市町村から転入  
住民異動届の2枚目、印鑑、在留カード

・職場の健康保険を脱退  
健康保険を脱退した証明書、印鑑、在留カード

・子どもが生まれたとき  
父または母の保険証、印鑑

・他の市区町村へ転出  
住民異動届の2枚目、印鑑

・他の健康保険へ加入  
新しい保険証(全員分)、印鑑、国保の保険証

・国保加入者の死亡  
国保の保険証、(来庁者)印鑑

・在留期間の更新  
在留カード、印鑑

・住所等の変更  
保険証、印鑑、在留カード

・世帯が分かれたり、一緒になったとき  
保険証、印鑑、在留カード

・世帯主や氏名が変わったとき  
保険証、印鑑、在留カード

・保険証の紛失  
在留カード

※在留資格が「特定活動」のかたはパスポート(指定書)が必要。  
※マイナンバーカード又はマイナンバー通知カードと身分証明書(在留カード)をお持ちください。

### 9 国保のしくみ

A 保険証の送付時期  
保険証の有効期限が7月31日までのかたには、毎年7月末までに新しい保険証を送付

B 保険証の負担割合

- 義務教育就学前 2割
- 義務教育就学後  
～70歳未満 3割
- 70歳以上75歳未満 2割

生年月日に関係なく現役並み所得のあるかた 3割

### 10 特定健診

#### A 特定健診

- 対象者  
国保加入者のうち  
①満40～74歳になるかた  
②75歳になるかたで、健診を74歳のうちに受けるかた

[Thời gian thực thi]	Từ ngày 1 tháng 6 đến cuối tháng 2 năm sau
[Chi phí]	0 yên
[Đăng ký]	Gọi điện thoại cho cơ quan thực thi để đặt lịch khám
[Những giấy tờ cần mang theo]	Giấy khám sức khỏe, phiếu khám sức khỏe, thẻ bảo hiểm

## B. Kiểm tra sức khỏe toàn diện (Ningen-Dock)

[Đối tượng] Những người trên 30 tuổi đến 74 tuổi đã đóng thuế bảo hiểm sức khỏe đầy đủ hoặc được công nhận sắp hoàn thành đóng thuế (1 lần/năm tài chính)

[Thời gian thực thi] Từ ngày 1 tháng 4 đến cuối tháng 2 năm sau

[Tiền phí] Từ 30 đến 64 tuổi: 9,900 yên

Từ 65 đến 74 tuổi: 6,600 yên

[Đăng ký] Trực tiếp gọi điện thoại cho cơ quan y tế chỉ định để đặt lịch khám.

[Những giấy tờ cần mang theo] Giấy khám sức khỏe, phiếu khám sức khỏe, thẻ bảo hiểm

Kiểm tra đặc định và khám sức khỏe toàn diện, không thể khám lặp lại.  
Bạn chỉ có thể khám một trong hai cho một năm tài chính.



## 11 THÔNG TIN LIÊN LẠC

Toà thị chính Kawaguchi				Nơi	Quầy
Phòng bảo hiểm sức khỏe quốc dân	Ban tư cá ch số 1, 2	048-259-7669	Thẻ bảo hiểm, thủ tục tham gia - ngừng tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân, nghĩa vụ đóng thuế bảo hiểm v.v.	Tầng 3, trụ sở số 1 của toà thị chính	số 6
	Ban cấp phát	048-259-7670	Trợ cấp bảo hiểm, phí điều dưỡng, phí điều dưỡng cao tiền, trợ cấp sinh đẻ nuôi dưỡng con nhỏ tạm thời, phí lo tang lễ, phí di chuyển đi nơi khác v.v.		số 7
	Ban bảo hiểm	048-259-7916	Kiểm tra sức khỏe đặc định - chỉ đạo dẫn bảo hiểm đặc định		số 7
Phòng quản lý nộp bảo hiểm sức khỏe quốc dân	Ban quản lý nộp số 1	048-259-7671	Đóng thuế bảo hiểm, trao đổi về việc đóng thuế	Tầng 2, trụ sở số 1 của toà thị chính	số 8
	Ban quản lý nộp số 2	048-259-7673			
Phòng dự án bảo hiểm cho người cam tuổi		048-259-7653	Những điều liên quan đến chế độ y tế cho người cao tuổi thời kỳ sau		số 2
Phòng bảo hiểm điều dưỡng chăm sóc		048-259-7295	Tiền bảo hiểm điều dưỡng - trợ cấp điều dưỡng của những người trên 65 tuổi		số 6

Nội dung này được cập nhật vào thời điểm ngày 1 tháng 6 năm 2021.

- ・実施期間  
6月1日～翌年2月末
- ・費用  
0円
- ・申込み  
実施機関に電話等で予約
- ・持ち物  
受診券と質問票と保険証
- B 人間ドック  
・対象者  
  
国保税を完納している、または完納見込みである30歳以上74歳以下の国保加入者(1年度1回)
- ・実施期間  
4月1日～翌年2月末
- ・費用  
30～64歳までは9,900円  
65～74歳までは6,600円
- ・申込み  
指定医療機関へ直接電話し、受診日を予約。
- ・持ち物  
受診券と質問票、保険証
- ・特定健診と人間ドックは重複して受診することはできません。いずれか年度内1回の受診に限ります。

この内容は  
2021年6月1日  
現在のものです。